

Bản án số: 231/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 – 12 - 2025
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 401/2025/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Yu, Chan - K, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: số 210/1, lộ CT, thôn LĐ, làng NP, huyện BĐ, Đài Loan (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh 15/02/1993; CCCD: 096193000010; địa chỉ cư trú: ấp CN, xã TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Yu, Chan - K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông với bà Trần Thị N quen biết vào tháng 11/2023 rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 09/01/2024. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, dù cả hai có ngồi lại nói chuyện nhưng cũng không thể hàn gắn,

mỗi người sống một nơi, không ai liên lạc với ai. Nay anh yêu cầu được ly hôn với bà N.

- Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có con chung, tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Đối với bà Trần Thúy N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông Yu, Chan - K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Yu, Chan - K khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với Trần Thúy N là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Yu, Chan - K có yêu cầu xét xử vắng mặt, bà N đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Yu, Chan - K, bà N.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2024, ông Yu, Chan - K với bà N kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa ông Yu, Chan - K với bà N được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo ông Yu, Chan - K xác định quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, dù cả hai có ngồi lại nói chuyện nhưng cũng không thể hàn gắn, mỗi người sống một nơi, không ai liên lạc với ai. Tuy nhiên, bà N không có ý kiến. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định trong cuộc sống vợ chồng giữa ông Yu, Chan - K với bà N đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra. Đồng thời, mâu thuẫn đó đã lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài, và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Yu, Chan - K về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Yu, Chan - Kai xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết, nhưng bà Nga không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Ông Yu, Chan - K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan hệ hôn nhân, án phí là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Yu, Chan – K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Yu, Chan – K được ly hôn với bà Trần Thúy N.

2. Về án phí dân sự: ông Yu, Chan – K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004839 ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau; ông Yu, Chan – K đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

